

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 35/ĐÌNH BÁCH/2019

I. Thông tin về tổ chức cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH**

Địa chỉ: 01 Lê Quang Định, Phường 13, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.668.10416

Email: honghanh@dinhbach.com

Mã số doanh nghiệp: 0312627075

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Dụng cụ uống thuốc Pur.**
2. Thành phần cấu tạo: bao gồm phần thân để đựng thuốc bằng nhựa PP, gắn với núm bằng silicon. Bên ngoài là hộp bảo quản có nắp bằng nhựa PP.
3. Hạn sử dụng: Không áp dụng với sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hộp carton chất lượng cao, bảo đảm vệ sinh và an toàn khi vận chuyển.
 - Quy cách bao gói: 01 chiếc/vì.
 - Dung tích: 10ml.
5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Dùng để cho trẻ uống thuốc.
 - Rửa sạch và để nơi khô ráo sau mỗi lần sử dụng.
 - Luôn tiệt trùng trước khi sử dụng.
 - Không để trẻ sử dụng mà không có sự giám sát của người lớn.
6. Tên và địa chỉ nhà sản xuất:
 - Tên nhà sản xuất: Royal Industries (Thailand) Public Company Limited.
 - Địa chỉ: 126 Moo 6, Sethakij 1 Road, Omnoi, Krathumban, Samutsakorn 74130, Thailand.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số:

- QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

- QCVN 12-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng cao su.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: thành phẩm.
- Màu sắc: trắng trong.
- Mùi vị: Không mùi

1.2. Các chỉ tiêu về mức phơi nhiễm đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng nhựa PP.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Kim loại nặng trong dung dịch ngâm thôi là Acid acetic 4% với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C	$\mu\text{g/ml}$	1
2	Lượng KMnO_4 sử dụng trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	10
3	Cặn khô trong dung dịch ngâm thôi là Heptan với thời gian 1 giờ ở nhiệt độ 25 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	30
4	Cặn khô trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	30

1.3. Các chỉ tiêu về thử vật liệu đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng nhựa PP.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	$\mu\text{g/g}$	100
2	Hàm lượng cadmin	$\mu\text{g/g}$	100

1.4. Các chỉ tiêu về mức thôi nhiễm đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng Silicon.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Phenol trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 24 giờ ở nhiệt độ 40 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	5
2	Formaldehyd trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 24 giờ ở nhiệt độ 40 độ C	-	Âm tính
3	Kẽm trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 24 giờ ở nhiệt độ 40 độ C	$\mu\text{g/ml}$	1
4	Kim loại nặng trong dung dịch ngâm thôi là Acid acetic 4% với thời gian 24 giờ ở nhiệt độ 40 độ C	$\mu\text{g/ml}$	1
5	Cặn khô trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 24 giờ ở nhiệt độ 40 độ C	$\mu\text{g/ml}$	40

1.4 Các chỉ tiêu về thử vật liệu đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng Silicon.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	$\mu\text{g/g}$	10
2	Hàm lượng cadmin	$\mu\text{g/g}$	10

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Dụng cụ uống thuốc Pur

Số tự công bố: 35/ĐÌNH BÁCH/2019

(MS: 6505)

Quy cách bao gói: 01 chiếc/vi.

Dung tích: 10ml.

Thành phần cấu tạo: bao gồm phần thân để đựng thuốc bằng nhựa PP, gắn với núm bằng silicon. Bên ngoài là hộp bảo quản có nắp bằng nhựa PP.

Sản phẩm không chứa BPA

Hướng dẫn sử dụng: dùng để cho trẻ uống thuốc.

- Rửa sạch và để nơi khô ráo sau mỗi lần sử dụng.

- Luôn tiệt trùng trước khi sử dụng.

- Không để trẻ sử dụng mà không có sự giám sát của người lớn.

Truyền thông vì cộng đồng: "Thực hiện đúng hướng dẫn vệ sinh, tiệt khuẩn. Việc sử dụng bình bú có thể làm cho trẻ bú mẹ và có nguy cơ bị tiêu chảy. Sử dụng vú ngậm nhân tạo ảnh hưởng không tốt tới việc nuôi trẻ bằng sữa mẹ".

Xuất xứ: Thái Lan

Nhà sản xuất: Royal Industries (Thailand) Public Company Limited.

Địa chỉ: 126 Moo 6, Sethakij 1 Road, Omnoi, Krathumban, Samutsakorn 74130, Thailand.

Nhà nhập khẩu: Công ty TNHH Đình Bách;

Địa chỉ: 01 Lê Quang Định, Phường 13, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh;

ĐT: 028.668.10416

Email: info@dingbach.com; Website: www.purvietnam.com

Nhà phân phối: Công ty TNHH PP&DV Hùng Cường

Địa chỉ: E6/36A Thới Hòa, Ấp 5, Xã Vĩnh Lộc A,

Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.7300.9888

Ngày sản xuất: xem "MFG" trên bao bì

Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

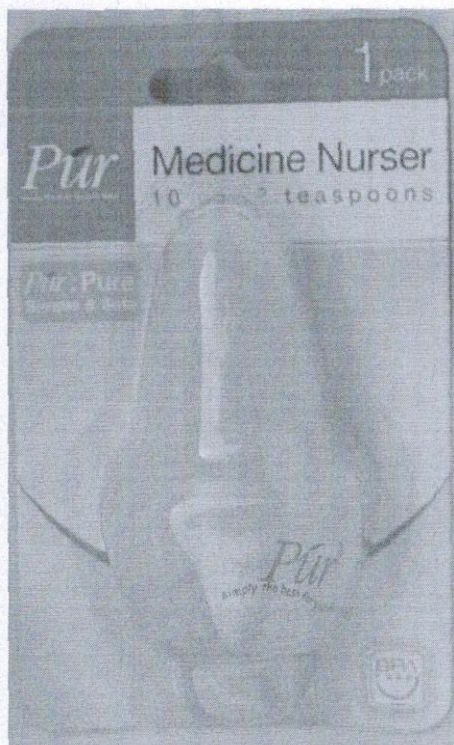
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng

2.H.H.H.



1 pack

113XX

Medicine Nurser

10 cc. / 2 teaspoons

Medicine nurser

This medicine nurser with a 100% silicone teat is transparent to ensure hygienic cleaning and can easily be taken apart and reassembled. The product can be sterilised repeatedly.

Storage & Care:

- Wash thoroughly in warm soapy water and rinse before and after each use.
- Always sterilise before use.
- Certain kinds of medicine and some sterilising solutions, can produce harmless stains.
- Store in a dry, covered container.

Caution:

- Always inspect silicone teat and ensure all parts of the product are in good condition before and after each use.
- Throw away immediately if worn, damaged or punctured.
- Do not attempt to enlarge the teat hole with a pin or any other sharp object, as this will cause tearing.
- To prevent possible choking, test strength by pulling on bulb portion of the product.
- Do not leave your baby unattended with this product as it is intended only to be used by a competent adult.

ISO 9001:2015

THAILAND
TRUSTED QUALITY

PUR NURSERY'S
EXPORT BRAND

Pur is a registered trademark in USA and EU.

www.purbrands.com

is trademark of Royal Industries (Thailand) Plc. Co., Ltd. 126 Moo 6 Sethakaj 1 Rd, Ormori, Krathumban, Samutsakorn 74130 Thailand.

Tel: +66(0) 2420 1305-8 Fax: +66(0) 2420 2711

E-mail: info@purbrands.com

MADE IN THAILAND

Ref no: 6505

© Royal Industries (Thailand) PCL 2013

Like us at www.facebook.com/purbabyworld

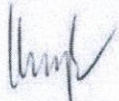
www.instagram.com/purbabyworld



KT3-04735AHD9/9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT09/09/2019
Page 01/04

1. Tên mẫu : DỤNG CỤ UỐNG THUỐC PUR
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description
(xem hình trang 04/04/ see picture on page 04/04)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 28/08/2019
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 29/08/2019 – 09/09/2019
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH
Customer 01 Lê Quang Định, P.13, Q.5, TP. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo
Test results Refer to next page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.**Nguyễn Thị Thùy Nhi****TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR**
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.**Phan Thanh Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.



PHÂN BÌNH

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu/ <i>require ment</i> (*)
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại <i>Identification by infrared spectroscopy method</i>		ASTM E 1252 - 98		Poly propylene	
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	15,5	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/**Note:**

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/
Test results are valid for the namely submitted sample only.

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*



QUATEST 3®

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

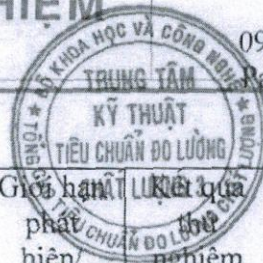
Fax: (84-28) 3829 3012

Website: www.quatest3.com.vn

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

E-mail: testlab@quatest3.com.vn



PHẦN NÚM VÚ

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit detection	Kết quả thử nghiệm Test result	Mức yêu cầu/ require ment (**)
7.7 Định danh bằng phương pháp phổ hồng ngoại / Identification by infrared spectroscopy method	-	ASTM E 1252 - 98	-	Silicone	
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.8 Hàm lượng chì/ Lead content	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 10
7.9 Hàm lượng cadimi/ Cadmium content	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 10
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.10 Hàm lượng phenol trong nước sau 24 h ở 40 °C/ Phenol content in water after 24 h at 40 °C,	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 5	≤ 5
7.11 Thử formaldehyde trong nước sau 24 h ở 40 °C/ Formaldehyde test in water after 24 h at 40 °C,	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	Âm tính Negative	Âm tính Negative
7.12 Hàm lượng kẽm trong nước sau 24 h ở 40 °C/ Zinc content in water after 24 h at 40 °C,	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	0,1	KPH/ND	≤ 1
7.13 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% sau 24 h ở 40 °C/ Heavy metals (as Pb) in 4% acetic acid after 24 h at 40 °C,	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 1,0	≤ 1
7.14 Hàm lượng cặn khô trong nước sau 24 h ở 40 °C/ Evaporation residue in water after 24 h at 40 °C	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 40

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ Test results are valid for the namely submitted sample only.

(**) - Theo Yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT / According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT

KPH/ND : Không phát hiện/ Not detected

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3


Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

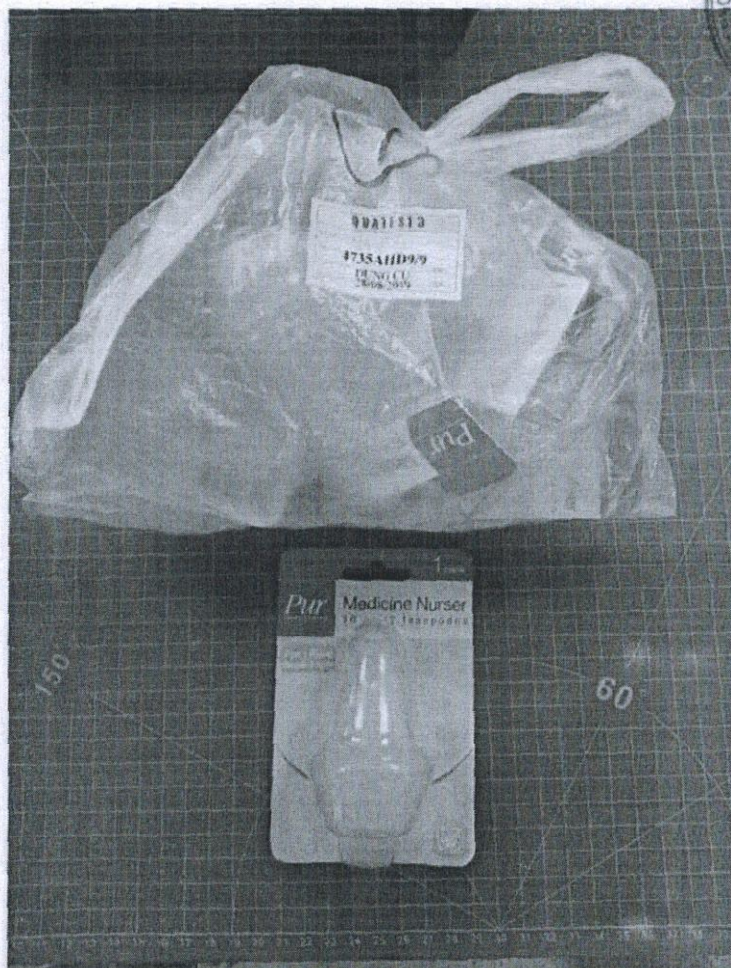
Website: www.quatest3.com.vn

Branch: 7/3 Nguyễn Văn Linh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

Email: qc@quatest3.com.vn



QUATEST 3

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

Website: www.quatest3.com.vn